

Bản án số: 397/2024/DS-PT

Ngày 19 – 9 – 2024

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà

Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 175/2024/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 240/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kiều M, sinh năm 1982 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Số A, đường K Bạc Liêu, khóm H, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Kiều M: Ông Hồ Vũ P, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Nhà không số, N, khóm F, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị L, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường K Bạc Liêu, khóm H, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Trương Thị L: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Số A, Đ, khóm B, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1953 (Vắng mặt);

2. Ông Trương Minh T, sinh năm 1950 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Nhà không số, K Bạc Liêu, khóm H, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Trương Thị N, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, K Bạc Liêu, khóm H, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Kiều M, là nguyên đơn; bà Trương Thị L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Kiều M và trong quá trình giải quyết vụ án ông Hồ Vũ P trình bày:*

Vào ngày 18/9/2022, giữa nguyên đơn với bị đơn có ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất bảo lưu ven sông có chiều ngang 5m, trên đất có căn nhà cây gỗ địa phương, mái lợp tol, giá chuyển nhượng nhà và đất là 110.000.000 đồng, việc chuyển nhượng được lập bằng giấy tay, không được công chứng, chứng thực theo quy định. Nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn 110.000.000 đồng, hai bên mới viết giấy mua bán đất và nhà ở, có sự chứng kiến của những người giáp ranh. Bị đơn chưa bàn giao nhà ở và đất như thỏa thuận. Nguồn gốc nhà đất tọa lạc tại khóm H, phường F, thành phố C do bị đơn được cha mẹ là ông Trương Minh T và bà Ngô Thị H tặng cho, việc tặng cho chỉ bằng lời nói, không có giấy tờ gì thể hiện. Do đất bảo lưu ven sông cha mẹ bị đơn không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi chuyển nhượng có sự đồng ý của cha mẹ bị đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng giao nhà và đất tọa lạc tại khóm H, phường F, thành phố C cho nguyên đơn (theo bản vẽ hiện trạng ngày 01 tháng 08 năm 2023 của Công ty TNHH một thành viên T2). Trường hợp hợp đồng vô hiệu yêu cầu giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, đây không phải tiền vay và trả góp như lời trình bày của bị đơn nên không đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

- *Theo đơn phản tố của bà Trương Thị L và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Việc bị đơn và nguyên đơn chuyển nhượng nhà đất theo lời trình bày của nguyên đơn là không có. Giấy chuyển nhượng mua bán nhà đất là nhằm che dấu một hợp đồng vay tài sản.

Cụ thể: Ngày 11/01/2021, bị đơn vay nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng = 3.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 9/2022 trả lãi được 20 tháng với tổng số tiền là 60.000.000 đồng, việc vay mượn tiền và trả lãi giữa bị đơn và nguyên đơn có thỏa thuận giấy tay nhưng do nguyên đơn giữ.

Trước đó, bà Trương Thị N là em ruột của bị đơn có vay của nguyên đơn 60.000.000 đồng, lãi suất không xác định được. Việc vay mượn tiền này có giấy tờ gì không thì bị đơn không biết. Đến ngày 18/9/2022, nguyên đơn yêu cầu bị đơn đứng ra bảo lãnh số nợ 60.000.000 đồng cho bà N, nên tổng số tiền bị đơn nợ nguyên đơn thành 110.000.000 đồng, đóng lãi 8.000.000 đồng/tháng, đóng được 03 tháng với số tiền 24.000.000 đồng, sau đó hai bên thống nhất giảm lãi còn 6.000.000 đồng/tháng, đóng được 01 tháng, nên số tiền 110.000.000 đồng đã trả lãi được 30.000.000 đồng và bị đơn làm tờ mua bán đất và nhà ở ngày 18/9/2022 cho nguyên đơn để đảm bảo khoản nợ vay. Việc bị đơn nhận bảo lãnh nợ vay của bà N nợ nguyên đơn được thể hiện tại tờ mua bán đất và nhà ở ngày 18/9/2022.

Đối với khoản tiền 50.000.000 đồng, bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn tới ngày 11/5/2023 là 28 tháng = 72.000.000 đồng. Theo lãi suất quy định là 1,67%/tháng x 28 = 23.380.000 đồng, tiền vốn 50.000.000 đồng, tổng số tiền vốn và lãi là 73.380.000 đồng, đối trừ thì bị đơn còn nợ bà M 1.380.000 đồng.

Do cung cấp đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa nguyên đơn với bị đơn đã được trình chiếu tại phiên tòa, nguyên đơn không thừa nhận, nên bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố, đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay 110.000.000 đồng. Bị đơn không yêu cầu giám định đoạn ghi âm đã cung cấp cho Tòa án. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

- Theo bà Trương Thị N trình bày:

Thời gian vay tiền của nguyên đơn bà không nhớ, nhưng bà có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần, lần đầu vay 50.000.000 đồng, góp ngày 250.000 đồng, thời gian góp 12 tháng, góp được 07 tháng; mục đích vay để làm vốn mua bán, khi vay số tiền này, bà có làm biên nhận giao cho nguyên đơn giữ. Sau bảy tháng thực hiện, bà vay tiếp của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng, góp ngày 400.000 đồng, thời hạn góp 02 tháng, bà góp được 40 ngày thì ngưng nên giữa bà với nguyên đơn kết toán nợ lại, bà nợ nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng, hàng tháng trả lãi 4.000.000 đồng, thời hạn trả tiền vốn không có thỏa thuận. Bà là chị em ruột của bị đơn. Năm 2022, bà đi làm ở Long An, nguyên đơn không đồng ý cho bà đi làm nên giữa bà, bị đơn và nguyên đơn gặp nhau thỏa thuận, bị đơn nhận trách nhiệm trả số tiền 60.000.000 đồng mà bà nợ nguyên đơn thay cho bà, còn bà đi làm hàng tháng gửi tiền trả lãi tiếp cho bị đơn.

Để đảm bảo khoản nợ vay theo thỏa thuận, bị đơn làm tờ mua bán đất và nhà ở ngày 18/9/2022 cho nguyên đơn với số tiền 110.000.000 đồng. Nay bị đơn và nguyên đơn tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà đồng ý để bị đơn trả 110.000.000 đồng cho nguyên đơn. Do giữa bà với nguyên đơn giao dịch tiền vay đã giao biên nhận nợ cho nguyên đơn giữ, nguyên đơn nói không có bà không có gì để chứng minh. Ngoài ra, bà không trình bày hay yêu cầu gì khác.

- Theo bà Ngô Thị H và ông Trương Minh T trình bày:

Ông và bà có phần đất bảo lưu ven sông tọa lạc tại kinh xáng B, khóm H, phường F, thành phố C có chiều ngang 05m, chiều dài chạy xuống Kinh Xáng Bạc Liêu, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông bà không có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên. Ông bà đã tặng cho Trương Thị L phần đất nêu trên nên ngày 18/9/2022, Trương Thị L có nhờ ông bà ký vào giấy tờ mua bán đất và nhà ở có tại hồ sơ vụ án. Theo ông bà được biết con gái kêu ký tên vào giấy tờ nêu trên là để mượn nợ, còn nội dung thỏa thuận như thế nào thì ông bà không biết. Ông bà không có yêu cầu gì trong vụ án nên xin hòa giải và xét xử vắng mặt trong vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 175/2024/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kiều M về việc yêu cầu bà Trương Thị L tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở (tờ mua bán đất và nhà ở) ngày 18/9/2022, giao nhà ở và phần đất bảo lưu ven sông tọa lạc tại K Bạc Liêu, khóm H, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở (tờ mua bán đất và nhà ở) ngày 18/9/2022 giữa bà Nguyễn Kiều M với bà Trương Thị L đối với nhà ở và phần đất bảo lưu ven sông tọa lạc tại K Bạc Liêu, khóm H, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau là vô hiệu.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Buộc bà Trương Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Kiều M số tiền 110.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Trương Thị L, về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tờ mua bán đất và nhà ở) ngày 18/9/2022, trả cho nguyên đơn số tiền 1.380.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/7/2024, bà Nguyễn Kiều M có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà L phải giao đất, nhà cho bà M.

Ngày 19/7/2024, bà Trương Thị L có đơn kháng cáo, yêu cầu: Tuyên bố hợp đồng mua bán đất và nhà ở ngày 18/9/2022 giữa bà Nguyễn Kiều M với bà Trương Thị L đối với nhà ở và phần đất bảo lưu ven sông tọa lạc tại K Bạc Liêu, khóm H, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau là vô hiệu; Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: do hợp đồng giả tạo, các bên không có giao nhận gì với nhau nên không giải quyết hậu quả hợp đồng; bà L đồng ý trả cho bà M số tiền 110.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bà Nguyễn Kiều M giữ nguyên kháng cáo; người đại diện của bà Trương Thị L rút lại toàn bộ đơn kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên toà:

Ông P phát biểu: Việc mua bán nhà đất giữa bà M với bà L là có thực tế, có ông T1 là người chứng kiến. Bà M đã thanh toán xong tiền mua nhà đất cho bà L và cho bà L thuê lại nhà đất để ở nhưng bà L không thanh toán tiền thuê cho bà M. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà M, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

Ông K phát biểu: Việc mua bán nhà đất giữa bà L với bà M thực tế không có diễn ra, bà L cũng không có nhận tiền của bà M. Các bên xác lập hợp đồng mua bán là để che dấu giao dịch khác (bà L vay tiền của bà M). Bà L là người khuyết tật, chỉ có duy nhất căn nhà này để ở, nên bà không đồng ý giao nhà đất theo yêu cầu của bà M. Do tại phiên toà bà M và người đại diện của bà M xác định ngoài việc mua bán nhà đất này, phía bà L không có nợ bà M bất cứ khoản nợ nào khác và sau này sẽ không đưa ra bất cứ giấy tờ về bà L nợ tiền và khởi kiện yêu cầu bà L trả nợ, nên bị đơn đồng ý rút lại đơn kháng cáo và đồng ý trả cho bà M số tiền 110.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Trương Thị L; không chấp nhận kháng cáo bà Nguyễn Kiều M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện của bà Trương Thị L xin rút lại toàn bộ kháng cáo của bà L, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà L.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Kiều M Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Vào ngày 18/9/2022, giữa nguyên đơn với bị đơn có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở (tờ mua bán đất và nhà ở) đối với phần đất bảo lưu ven sông có chiều ngang 5m, chiều dài từ mí lộ bê tông chạy dài xuống kênh xáng Cà Mau – Bạc Liêu tọa lạc tại khóm H, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau; trên đất có căn nhà bằng cây gỗ địa phương, giá chuyển nhượng nhà và đất là 110.000.000 đồng; hợp đồng không được công chứng, chứng thực theo quy định. Nguyên đơn cho rằng đã thanh toán tiền cho bị đơn 110.000.000 đồng, mới làm giấy chuyển nhượng có sự chứng kiến của những người giáp ranh, nhưng bị đơn chưa bàn giao nhà ở và đất như thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng giao nhà ở và đất; bị đơn cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở là giả tạo, nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản nên nên không đồng ý yêu cầu nguyên đơn.

[2.2] Theo đo đạc thực tế, phần đất nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng chuyển nhượng ngày 18/9/2022 có vị trí, kích thước, diện tích: Phía Đông: Giáp với Trương Minh H1, cạnh (ký hiệu M2 – M3) có chiều dài là 7,75m; Phía Tây: Giáp với Trương Hoàng E, cạnh (ký hiệu M1 – M4) có chiều ngang là 7,74m; Phía Bắc: Giáp với kè ra sông, cạnh (ký hiệu M1 – M2) có chiều ngang là 5,04m; Phía Nam: Giáp với đường bê tông, cạnh (ký hiệu M3 – M4) có chiều ngang là 05m; Diện tích đất là 38m²; đất tọa lạc tại khóm H, phường F, thành phố C. Trên đất có căn nhà của bị đơn xây cất, bằng cây gỗ địa phương (diện tích nhà là 47,2m²).

[2.3] Tại Công văn số 2846/UBND – TNMT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố C có nội dung: Qua kiểm tra thực tế và đối chiếu hệ thống bản đồ quản lý qua các thời kỳ tại phường F không hề hiện vị trí và thông tin thửa đất của bà L. Do đó, không xác định được loại đất của thửa đất, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất và việc ai có quyền quản lý sử dụng thửa đất. Riêng đối với việc xây dựng trên phường F phải đảm bảo thực hiện xin phép xây dựng theo đúng quy định.

[2.4] Xét thấy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn với bị đơn (tờ mua bán đất và nhà ở) xác lập ngày 18/9/2022 về hình thức hợp đồng không đúng theo mẫu quy định, không được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật; tại thời điểm ký kết hợp đồng nguyên đơn và bị đơn vẫn biết phần đất chuyển nhượng phía bị đơn không có giấy tờ pháp lý về thửa đất; nguyên đơn và bị đơn đều xác định phần đất chuyển nhượng là đất bảo lưu ven sông, do đất bảo lưu ven sông nên bị đơn không được cấp giấy tờ về thửa đất. Hơn nữa phần đất chuyển nhượng theo đo đạc diện tích là 38m² nên cũng không đủ diện tích tách thửa theo quy định. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng của các bên bị vô hiệu ngay từ khi xác lập, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các theo quy định tại Điều 131 của Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao đất và căn nhà trên đất cho nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.5] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại phiên tòa, đại diện bị đơn xin rút lại toàn bộ đơn kháng cáo, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 110.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 110.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà M phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu. Bà L được miễn chịu án phí (được miễn dự nộp)

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Trương Thị L.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kiều M.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số:175/2024/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kiều M về việc yêu cầu bà Trương Thị L tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở giữa bà Nguyễn Kiều M với bà Trương Thị L được xác lập theo tờ mua bán đất và nhà ở ngày 18/9/2022, giao nhà ở và phần đất tọa lạc tại K Bạc Liêu, khóm H, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho bà Nguyễn Kiều M.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở giữa bà Nguyễn Kiều M với bà Trương Thị L được xác lập theo tờ mua bán đất và nhà ở ngày 18/9/2022 đối với nhà ở và phần đất tọa lạc tại K Bạc Liêu, khóm H, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo đo đạc thực tế: Diện tích đất 38m²; diện tích nhà 47,2m²) là vô hiệu.

- Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Buộc bà Trương Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Kiều M số tiền 110.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trương Thị L về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở giữa bà Nguyễn Kiều M với bà Trương Thị L được xác lập theo tờ mua bán đất và nhà ở ngày 18/9/2022 và bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 1.380.000 đồng.

- Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Kiều M phải chịu 17.143.000 đồng, bà M đã nộp xong.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kiều M phải chịu là 300.000 đồng. Ngày 21/04/2023, bà M đã dự nộp 300.000 đồng theo lai số 0003243 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Bà Trương Thị L được miễn chịu án phí. Ngày 05/6/2023, bà L đã dự nộp 300.000 đồng theo lai số 0003509 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Kiều M phải chịu 300.000 đồng. Ngày 01/8/2024, bà M đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009162 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Bà Trương Thị L được miễn chịu án phí (được miễn dự nộp). Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập